

THƯ CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Ủy viên Bộ Chính trị,
Bí thư Trung ương Đảng,
Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương
GỬI TẠP CHÍ DI SẢN VĂN HOÁ

Các đồng chí thân mến,

Di sản văn hoá, bao gồm di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể là tài sản vô giá của quốc gia.

Di sản văn hoá kết tinh trí tuệ, ý chí, tình cảm và công sức của mỗi cá nhân và tập thể, hình thành nên những chuẩn mực giá trị xã hội, phản ánh những sắc thái riêng biệt và truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Di sản văn hoá đóng dấu ấn của mỗi thời đại, là bức thông điệp của các thế hệ đi trước gửi lại cho các thế hệ hôm nay, là chứng tích phản ánh bước đi của mỗi dân tộc trải qua những giai đoạn lịch sử nhất định.

Thực tiễn đã khẳng định, ở đâu di sản văn hoá được bảo tồn và phát huy thì ở đó nó là nguồn động lực cho sự phát triển, là chất kháng thể chống lại mặt trái của toàn cầu hoá và cơ chế thị trường. Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại đồng thời với bảo tồn và phát huy di sản văn hoá dân tộc là một trong những nhiệm vụ to lớn và cấp bách của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Năm 2001, Quốc hội nước ta lần đầu tiên thông qua Luật Di sản văn hoá, đánh dấu bước phát triển mới về nhận thức xã hội, về tư duy luật pháp của nhân dân ta đối với vấn đề giữ gìn và phát huy di sản văn hoá vật thể và phi vật thể. Do vậy, Tạp chí Di sản Văn hoá ra đời là rất kịp thời, đáp ứng lòng mong mỏi của bạn đọc, thiết thực tuyên truyền triển khai nhiệm vụ nêu trên.

Mong rằng, Tạp chí Di sản Văn hoá thực hiện thật tốt tôn chỉ mục đích đề ra, phổ biến kịp thời đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; các kết quả sưu tầm, nghiên cứu; kinh nghiệm của các tổ chức và cá nhân; những thông tin trên thế giới về giữ gìn và phát huy di sản văn hoá. Tạp chí cần vươn lên xứng đáng là diễn đàn văn hoá của cán bộ, nhân dân và những người làm công tác di sản văn hoá; cổ vũ, khích lệ mọi người trao đổi thảo luận những vấn đề đang đặt ra trên lĩnh vực di sản văn hoá, tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hoá.

Nhân dịp Tạp chí ra số đầu tiên, tôi gửi lời chúc tốt đẹp đến toàn thể cán bộ, công nhân viên, cộng tác viên và bạn đọc của Tạp chí. Chúc Tạp chí hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, góp phần cùng toàn ngành Văn hoá Thông tin thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Thân ái

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NGÀI KOICHIRO MATSUURA TỔNG GIÁM ĐỐC UNESCO NHÂN "NĂM LIÊN HIỆP QUỐC VỀ DI SẢN VĂN HOÁ"

Trên ngưỡng cửa Viện Bảo tàng Kabul, nơi bị chiến tranh tàn phá suốt 20 năm qua có treo dòng chữ "Một đất nước chỉ tồn tại khi nền văn hoá của nước đó tồn tại". Hành động đầy tính biểu tượng này khắc sâu thêm ý nghĩa của Nghị quyết Đại hội đồng Liên hiệp quốc ngày 21-11-2001, quyết định lấy năm 2002 là "Năm Quốc tế về Di sản Văn hoá".

Di sản văn hoá của một dân tộc là tất cả những gì mà nền văn hoá của dân tộc đó đã làm nên và kế thừa đến ngày hôm nay. Di sản Văn hoá được thể hiện ở nhiều dạng khác nhau, có thể là vô hình (ngôn ngữ, các bí quyết, nghệ thuật biểu diễn, âm nhạc, v.v...) hoặc hữu hình (các tượng đài, di tích v.v...). Nguồn gốc của các di sản văn hoá này cũng hết sức đa dạng. Theo dòng chảy văn hoá, các ảnh hưởng đã đánh dấu lịch sử phát triển và hình thành nên bản sắc, một dân tộc có thể dễ dàng xây dựng được những mối quan hệ Hoà bình với các dân tộc khác.

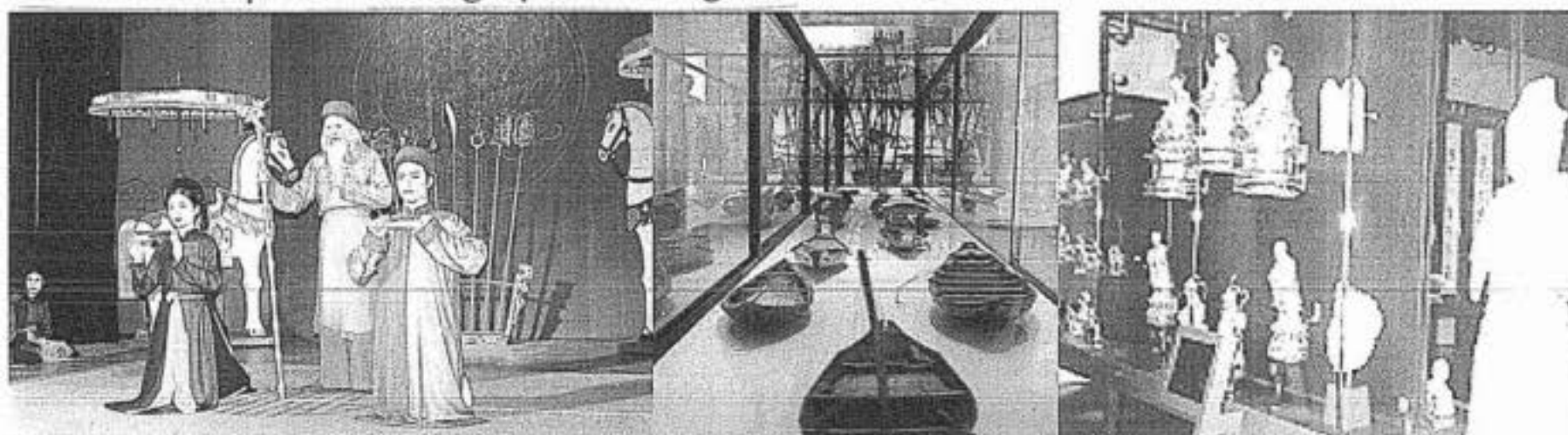
Việc trân trọng và gìn giữ các Di sản văn hoá như là kho báu do cha ông để lại là hết sức cần thiết. Vì vậy, chúng ta phải có những hành động đúng đắn và kịp thời nhằm tạo ra các công cụ như "Công ước

bảo tồn Di sản Văn hoá và Thiên nhiên Thế giới", đó là các phương tiện hữu hiệu góp phần bảo vệ di sản văn hoá thế giới.

Ngày hôm nay, thách thức lớn nhất đối với UNESCO là được Liên hiệp quốc uỷ nhiệm đóng vai trò là đơn vị tổ chức dẫn đầu trong việc làm cho các Chính phủ, các tổ chức tư nhân và toàn xã hội nhận thức rằng di sản văn hoá không chỉ là một nền tảng cho sự hoà bình và hoà giải giữa các dân tộc mà còn là động lực của sự phát triển. Điều này được minh chứng khi một phương thức mới về quản lý các di sản văn hoá góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế thông qua việc tạo công ăn việc làm cho người dân trong các lĩnh vực như nghề thủ công, du lịch văn hoá và việc xuất hiện thêm các ngành nghề mới.

Thông qua việc nâng cao nhận thức chung của cộng đồng và sức mạnh tập thể nhằm bảo vệ các giá trị văn hoá, năm 2002, năm "Quốc tế về Di sản Văn hoá" sẽ là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển của nhân loại.

*Bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt
của VP UBQG UNESCO VN*



TẠP CHÍ DI SẢN VĂN HOÁ RA ĐỜI NHU CẦU, NGUYỆN ƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CHUNG

ĐẶNG VĂN BÀI *

Nghị Quyết Hội nghị Trung ương 5 (khoá VIII) của Đảng đã khẳng định: “Di sản văn hoá là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hoá. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống (bách học và dân gian), văn hoá cách mạng, bao gồm cả văn hoá vật thể và phi vật thể”. Với quan điểm và nhận thức trên ta thấy hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá có vị trí hết sức đặc biệt trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Chúng ta cũng dễ dàng đi đến thống nhất nhận thức rằng, bảo vệ và phát huy di sản văn hoá là một lĩnh vực hoạt động vừa đòi hỏi, vừa thể hiện sinh động sự kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa tri thức khoa học, khả năng công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn. Những tri thức khoa học, khả năng công nghệ ấy có được là nhờ vào kết quả nghiên cứu chuyên sâu của những người hoạt động trên lĩnh vực bảo tồn bảo tàng và sự tiếp thu thành tựu khoa học trên các lĩnh vực khác, có liên quan, ở trong nước và quốc tế. Kinh nghiệm thực tiễn bảo vệ và phát huy di sản văn hoá của Việt Nam cũng vô cùng phong phú. Đó là những bài học được đúc kết qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, người Việt Nam không chỉ sáng tạo, mà còn hết sức kiên trì và thông minh trong việc giữ gìn, truyền lưu di sản văn hoá cho các thế hệ sau. Đó cũng là những kinh nghiệm được hình thành qua việc bảo vệ

và phát huy từng loại hình di sản văn hoá cụ thể, ở các địa bàn cụ thể và trong từng dân tộc cụ thể trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Đó cũng là những kinh nghiệm quốc tế mà chúng ta tiếp thu được qua giao lưu và hội nhập văn hoá.

Để tạo điều kiện cho đội ngũ các cán bộ - công chức trong ngành bảo tồn bảo tàng cùng những ai hằng quan tâm tới sự nghiệp giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc nói chung, không ngừng nâng cao ý thức chính trị, trình độ khoa học và trao đổi - học hỏi được những kinh nghiệm quý báu nói trên, việc ra đời một cơ quan ngôn luận của ngành không chỉ là nhu cầu cấp thiết, mà còn là nguyện ước chung, ngày càng cháy bỏng.

Đáp ứng nhu cầu nguyện vọng chung đó, đồng thời, để có thêm một công cụ hữu hiệu trong việc tuyên truyền, phổ biến rộng khắp trong toàn xã hội những nội dung cơ bản của Luật Di sản văn hoá, ngày 3-4-2002, Bộ trưởng Bộ Văn hoá Thông tin đã ký quyết định (số 10/2002/QĐ-BVHTT) thành lập Tạp chí Di sản Văn hoá trực thuộc Cục Bảo tồn Bảo tàng. Theo Quyết định này, Tạp chí Di sản Văn hoá, cơ quan ngôn luận của ngành bảo tồn bảo tàng, có các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1- Tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và định hướng, chỉ đạo của Bộ Văn hoá Thông tin về các lĩnh vực hoạt động của ngành Bảo tồn Bảo tàng.

2- Là diễn đàn trao đổi lý luận và kinh nghiệm thực tiễn; phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội về các hoạt động bảo vệ và phát

*Ts. Cục trưởng Cục Bảo tồn Bảo tàng -
Bộ Văn hóa Thông tin
Chủ tịch ICOM Việt Nam

huy di sản văn hoá.

3- Giới thiệu những di sản văn hoá Việt Nam và thế giới.

4- Thông tin về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá ở trong nước và quốc tế.

Là cơ quan chủ quản của Tạp chí, chúng tôi nhận thức đầy đủ vinh dự, đồng thời cũng nhận rõ trách nhiệm của mình trong việc tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho Tạp chí Di sản Văn hoá được đều đặn xuất bản với nội dung và hình thức tốt nhất, đáp ứng yêu cầu của cán bộ - công chức trong ngành và của bạn đọc. Nhưng chất lượng của Tạp chí, đặc biệt là sức sống của Tạp chí, phụ thuộc rất nhiều vào sự đóng góp công sức, trí tuệ của các cán bộ quản lý, các nhà khoa học, các cán bộ chuyên môn - nghiệp vụ ở trong ngành, ở các lĩnh vực liên quan, và của tất cả các cộng tác viên nhiệt tâm với Tạp chí... Vì vậy, với lực lượng cán bộ chuyên trách cho công việc xuất bản Tạp chí còn rất mỏng, kinh nghiệm báo chí lại quá ít ỏi, chúng tôi sẽ nguyện ước cùng nhau đảm trách tốt nhất nhiệm vụ mới này, đồng thời mong mỗi và đặc biệt kỳ vọng nhận được sự hợp tác, giúp đỡ tận tình của các đồng chí cùng các bạn.

Trên hành trình chung sức chung lòng quyết tâm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc, thật vui mừng khi chúng ta thường xuyên được gặp nhau tại diễn đàn này và qua diễn đàn này!

Đ.V.B



GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN LĨNH, BẢN SẮC DÂN TỘC CỦA VĂN HOÁ

LUU TRẦN TIÊU *

Trong nhiều công trình nghiên cứu và trên diễn đàn hội thảo, các nhà khoa học đã bàn nhiều về khái niệm “Bản sắc dân tộc”, “Bản lĩnh dân tộc”, “Màu sắc dân tộc”, “Sắc thái dân tộc”, “Bản sắc dân tộc của văn hoá”, “Bản sắc văn hoá của dân tộc”... Về mặt chi tiết, mỗi khái niệm đều có hàm nghĩa riêng, nhưng chúng lại

* Gs.TSKH
Thủ trưởng thường trực Bộ Văn hóa Thông tin

huy di sản văn hoá.

3- Giới thiệu những di sản văn hoá Việt Nam và thế giới.

4- Thông tin về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá ở trong nước và quốc tế.

Là cơ quan chủ quản của Tạp chí, chúng tôi nhận thức đầy đủ vinh dự, đồng thời cũng nhận rõ trách nhiệm của mình trong việc tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho Tạp chí Di sản Văn hoá được đều đặn xuất bản với nội dung và hình thức tốt nhất, đáp ứng yêu cầu của cán bộ - công chức trong ngành và của bạn đọc. Nhưng chất lượng của Tạp chí, đặc biệt là sức sống của Tạp chí, phụ thuộc rất nhiều vào sự đóng góp công sức, trí tuệ của các cán bộ quản lý, các nhà khoa học, các cán bộ chuyên môn - nghiệp vụ ở trong ngành, ở các lĩnh vực liên quan, và của tất cả các cộng tác viên nhiệt tâm với Tạp chí... Vì vậy, với lực lượng cán bộ chuyên trách cho công việc xuất bản Tạp chí còn rất mỏng, kinh nghiệm báo chí lại quá ít ỏi, chúng tôi sẽ nguyện ước cùng nhau đảm trách tốt nhất nhiệm vụ mới này, đồng thời mong mỏi và đặc biệt kỳ vọng nhận được sự hợp tác, giúp đỡ tận tình của các đồng chí cùng các bạn.

Trên hành trình chung sức chung lòng quyết tâm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc, thật vui mừng khi chúng ta thường xuyên được gặp nhau tại diễn đàn này và qua diễn đàn này!

Đ.V.B



GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN LĨNH, BẢN SẮC DÂN TỘC CỦA VĂN HOÁ

LUU TRẦN TIÊU *

Trong nhiều công trình nghiên cứu và trên diễn đàn hội thảo, các nhà khoa học đã bàn nhiều về khái niệm “Bản sắc dân tộc”, “Bản lĩnh dân tộc”, “Màu sắc dân tộc”, “Sắc thái dân tộc”, “Bản sắc dân tộc của văn hoá”, “Bản sắc văn hoá của dân tộc”... Về mặt chi tiết, mỗi khái niệm đều có hàm nghĩa riêng, nhưng chúng lại

* Gs.TSKH
Thủ trưởng thường trực Bộ Văn hóa Thông tin

chúng lại có những nét tương đồng. Vì bản sắc dân tộc gắn liền với văn hoá và thường được biểu hiện thông qua văn hoá, nên cũng có thể coi là *bản sắc dân tộc của văn hoá*.

Vậy bản sắc dân tộc của văn hoá là gì? Đã có nhiều nhà nghiên cứu đưa ra những định nghĩa khác nhau. Có thể nêu định nghĩa tổng quát như sau: *"Bản sắc dân tộc của văn hoá là tổng thể những giá trị bền vững, những tinh hoa văn hóa vật chất và tinh thần làm nên sắc thái riêng của một dân tộc trong lịch sử và trong phát triển"*.

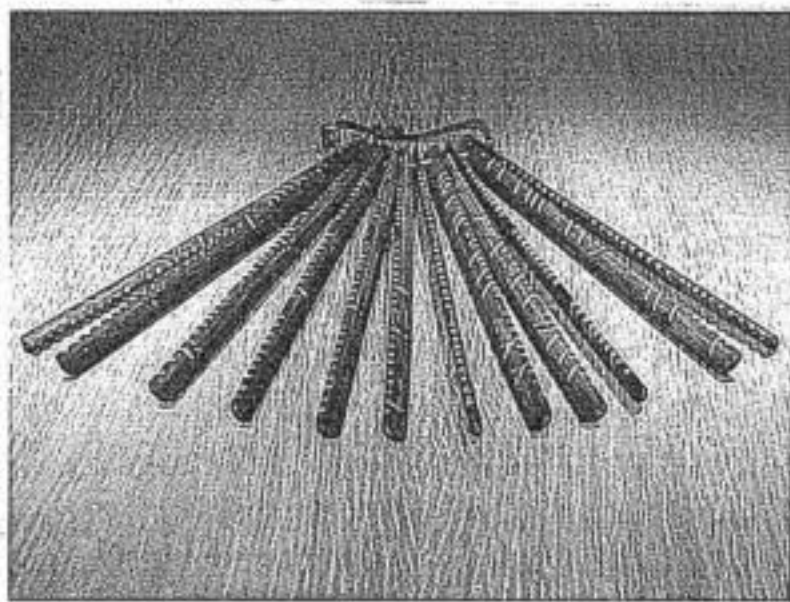
Như vậy, chúng ta có thể nhận ra bản sắc dân tộc của văn hoá gồm cả hai mặt giá trị:

Mặt giá trị tinh thần, mặt cốt lõi bên trong tạo nên sức mạnh tiềm tàng và bền vững của một dân tộc, trở thành bản lĩnh dân tộc; mặt thể hiện nét riêng biệt, độc đáo của dân tộc trong nền văn hoá nghệ thuật, trong phong tục tập quán, trong đời sống, trong sinh hoạt; nghĩa là bao gồm cả hệ giá trị tinh thần và nét đặc sắc riêng của dân tộc.

Có người cho rằng, bản sắc dân tộc của văn hoá bắt nguồn từ bản lĩnh dân tộc và trong mối quan hệ này, bản lĩnh dân tộc là nhân tố chủ đạo, có tính quyết định. Nói như vậy cũng chỉ mới nhấn mạnh một mặt. Thật ra giữa giá trị tinh thần bên trong và biểu hiện bên ngoài của bản sắc dân tộc của văn hoá có mối liên hệ khăng khít với nhau, tác động qua lại lẫn nhau, cái này củng cố và thúc đẩy cái kia. Văn hoá nếu không được rèn đúc trong lòng dân tộc để có được bản lĩnh, trở thành sức mạnh tiềm tàng và bền vững thì bản sắc dân tộc của văn hoá rồi cũng sẽ phai mờ.

Ngược lại, nếu văn hoá tự mình làm mất dần đi những sắc màu riêng biệt, độc đáo của mình thì sẽ làm vơi dần đi chất keo gắn kết tạo nên sức mạnh của bản lĩnh văn hoá.

Có nhiều quan điểm khác nhau về sự hình thành bản sắc dân tộc của văn hoá: người thì cho là do điều kiện địa lý tự nhiên khác nhau, hoặc có nguyên nhân từ nguồn gốc chủng tộc, những đặc trưng về tâm lý; người thì quy vào phương thức hoạt động kinh tế hoặc do sự khác nhau của nền văn hoá. Có thể có những yếu tố



Lịch tre - Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam
Ảnh: Tư liệu Cục BTBT

khác nhau tham gia vào việc hình thành nên bản sắc dân tộc của văn hoá, nhưng chắc chắn rằng bản sắc dân tộc của văn hoá không thể tách khỏi những yếu tố tạo thành dân tộc.

Từ một số vấn đề chung nêu trên, có nhiều người đã nêu lên những biểu hiện của bản sắc dân tộc Việt Nam như ý thức về cội nguồn, lòng yêu nước, sự gắn kết cộng đồng, lòng nhân ái khoan dung, khả năng thích ứng, sự khiêm nhường giản dị, trọng nghĩa tình, cần cù, nhẫn nại... Hay, như giáo sư Đỗ Huy đã khái quát, coi: *"Hệ tư tưởng là cái lõi cứng của mỗi nền*

văn hoá, văn hoá Việt Nam đã tiếp biến nhiều hệ tư tưởng khác nhau. Và nó đã tiếp biến trên cơ cấu của hệ giá trị mà lòng nhân ái là nền tảng, chủ nghĩa yêu nước là trục quy tâm, tinh thần cộng đồng là yếu tố trội và sự thích ứng là giải pháp”.

Đương nhiên, không phải mọi giá trị đều là bản sắc dân tộc của văn hoá. Vậy bản sắc dân tộc của văn hoá Việt Nam được hội tụ và thể hiện trên những khía cạnh nào của nền văn hoá?

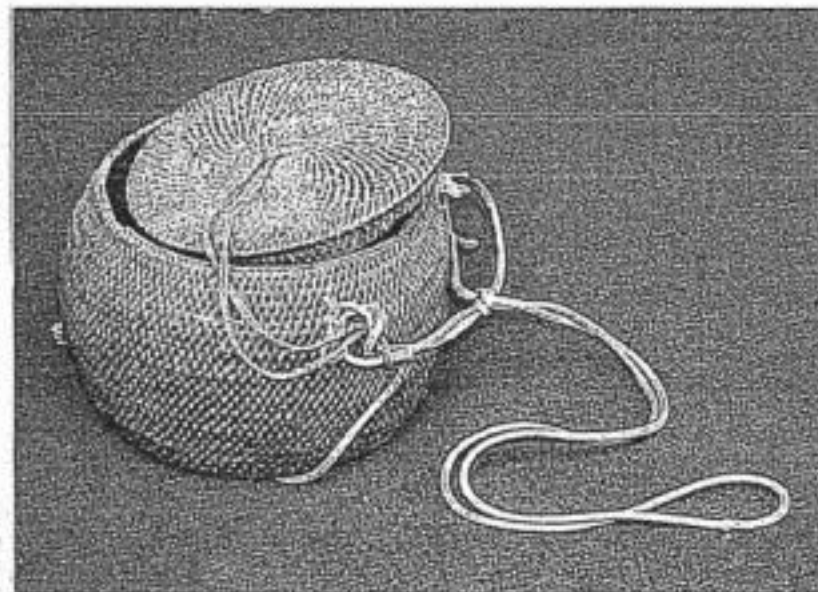
Về vấn đề này, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) Về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đã chỉ rõ: “Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hoá dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo”.

Lòng yêu nước ở dân tộc nào cũng có, nhưng đối với Việt Nam, nó mang một sắc thái rất đặc biệt, một tầm cao trí tuệ với nhân sinh quan và thế giới quan sâu sắc tạo thành sức mạnh của toàn dân tộc vượt qua mọi khó khăn để chiến thắng.

Biểu hiện trước hết của lòng yêu nước chính là ý thức về cội nguồn, về dân tộc có từ lâu đời và ngày càng được nâng

cao. Ý thức đó thấm đượm trong một tín ngưỡng rất đẹp và độc đáo của người Việt Nam - thờ cúng Tổ tiên trong mỗi gia đình để ghi nhớ công ơn của những người sinh thành ra mình, và điều đặc biệt hơn, độc đáo hơn, kỳ diệu hơn đó là việc cả nước thờ một ông tổ chung - Hùng Vương. Ý thức đó được phản ánh đậm đặc trong những hình tượng thần thoại, những sử thi anh hùng và truyện dân gian nói về nguồn gốc dân tộc (thần thoại họ Hồng Bàng), về con Rồng, cháu Tiên, con Hồng, cháu Lạc; về những vị thần tượng trưng cho linh khí của núi sông đất Việt (truyện thần Tản Viên, Sơn Tinh, Thủy Tinh...); về những người anh hùng (Vua Rồng xứ Lạc, Sơn Tinh, Thánh Gióng...), tự cường, tự hào về dân tộc, về nòi giống (Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi), luôn đặt lợi ích quốc gia lên trên bản thân mình (Hai Bà Trưng trên đàn thề:

“Một xin rửa sạch nước thù
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng.
Ba kẻo oan ức lòng chồng,
Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này”
Về tài năng sáng tạo và cả những



Hiện vật trưng bày - Bảo tàng Dân Tộc Học
Ảnh: Tư liệu Cục BTBT

lầm lỡ do mất cảnh giác trước âm mưu của kẻ thù (truyện thần Kim Quy gắn với An Dương Vương xây thành Cổ Loa và My Châu - Trọng Thủy)...

Lòng yêu nước nồng nàn, lòng tin vô bờ bến vào người dân đất Việt, vào tiền đồ dân tộc đã tạo nên hùng khí trong những áng văn bất hủ, trong bài thơ *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* của Lý Thường Kiệt; *Hịch tướng sĩ* của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, *Bạch Đằng Giang phú* của Trương Hán Siêu; trong tiếng hô “đánh” ở Hội nghị Diên Hồng khi nhà vua hỏi nên hàng hay nên đánh; hai chữ “*Sát Thát*” trên cánh tay của quân sĩ thời Trần; trong câu nói: “*Đầu tôi chưa rơi xuống đất xin bệ hạ đừng lo*” của Trần Thủ Độ; trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba đình ngày 2-9-1945; trong tiếng hát của chị Võ Thị Sáu trên pháp trường; trong tiếng hô “*Nhằm thẳng quân thù mà bắn*” của anh hùng Nguyễn Viết Xuân. Một tình yêu đất nước thật cao cả nhưng lại rất khiêm nhường, bình dị, một sự hy sinh thầm lặng. Bà hàng nước ở bến đò Rừng (Bạch Đằng) lặng lẽ quan sát, cung cấp thông tin về thủy triều, góp phần vào chiến thắng oanh liệt của quân dân nhà Trần đối với quân Nguyên Mông trên khúc sông lịch sử này; Mười hai cô gái kiên trung ở Ngã ba Đồng Lộc; nhiều bà mẹ Việt Nam “*ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ*”. Có người anh hùng xuất thân từ tầng lớp thượng lưu (Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn...), cũng có tướng lĩnh xuất thân từ bình dân (Phạm Ngũ Lão), từ gia nô (Yết Kiêu, Dã Tượng...), người miền xuôi, người miền ngược, người Kinh, và người các dân tộc thiểu số (Hà Bổng, Hà Chương, anh hùng Núp...). Không ít gương anh hùng nhỏ tuổi (Trần Quốc

Toản, Kim Đồng...) và đặc biệt là người phụ nữ Việt Nam với tám chữ vàng: *Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang* mà Bác Hồ đã ban tặng, với tấm gương trở thành huyền thoại - Hai Bà Trưng - một hiện tượng lịch sử hiếm thấy trên thế giới ở thế kỷ đầu công nguyên. Còn biết bao nhiêu những người con của dân tộc, những anh hùng vô danh không ghi tên trong sử sách, không ghi tên trên bia đá nhưng được khắc sâu mãi mãi trong trái tim yêu nước của người dân Việt Nam. Dân tộc ta đã nhiều lần chiến thắng quân xâm lược được trang bị mạnh hơn nhiều và hiện đại hơn ta rất nhiều lần, đó không chỉ là chiến thắng của chủ nghĩa yêu nước, lòng dũng cảm, hy sinh mà còn là chiến thắng của trí tuệ Việt Nam, của sự sáng tạo trong khoa học và nghệ thuật quân sự, là chiến thắng của đường lối “*Chiến tranh nhân dân*”, “*lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo*”, hay nói cách khác là chiến thắng của nền văn hoá Việt Nam.

Sau mỗi lần cướp được nước ta, kẻ xâm lược thực hiện chính sách “chia để trị”: nhà Hán chia địa giới nước ta thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam; thực dân Pháp chia nước ta thành ba xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ với chế độ cai trị khác nhau. Dân tộc Việt Nam đã từng chịu nỗi đau chia cắt với sông Gianh và đôi bờ Hiền Lương. Nhưng lòng yêu nước với ý chí thống nhất và sự toàn vẹn lãnh thổ đã thắng. Giang sơn thu về một mối, chúng ta thực hiện trọn vẹn một chân lý mà trong *Thư gửi đồng bào Nam Bộ* ngày 1-6-1946, Bác Hồ đã khẳng định như một tuyên ngôn của dân tộc:

“*Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!*”.

Hiếm có một dân tộc nào trên thế giới này trải qua hơn một nghìn năm Bắc thuộc, 10 năm Minh thuộc, 80 năm Pháp thuộc và hàng chục lần phải chống trả với các cuộc chiến tranh xâm lược, trong đó có cuộc chiến tranh tàn bạo nhất do đế quốc Mỹ gây ra, nhưng *"Ta vẫn là Ta"*. Đó chính là bản sắc dân tộc của văn hoá Việt Nam, là bản lĩnh Việt Nam. Trong những đêm trường nô lệ, sức sống của văn hoá Việt Nam vẫn trường tồn. Chúng ta đã bảo tồn được sắc thái riêng của tiếng nói dân tộc giàu tính nhạc, tính hoạ, tính thơ, giàu tính cách và hình tượng điển đạt. Các thế hệ người Việt Nam đã đấu tranh bền bỉ, kiên cường, bảo vệ và kế thừa thuần phong mỹ tục - phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc trước âm mưu đồng hoá về văn hoá của quân xâm lược. Những hội xuân, hội thu, hội cầu phúc, hội cầu mùa, cầu vui, cầu may, hội đèn (Hội đèn Hùng, Hội Gióng, Hội đèn Kiếp Bạc...), hội chùa (Hội chùa Hương, Hội chùa Thầy...) hội phủ (Hội Phủ Giầy, Hội Phủ Tây Hồ...), hội làng (Hội Láng, Chèm, Đồng Kỵ...); thi ca hát, thi sức khoẻ; thờ cúng Tổ tiên, thờ cúng Thành hoàng làng, lễ gia tiên, thờ anh hùng dân tộc; Tết Nguyên đán, Tết mừng 5 tháng 5; Tết Trung thu; Lễ cưới xin, ma chay v.v... là những bông hoa muôn sắc màu trong vườn hoa in đậm bản sắc dân tộc của văn hoá Việt Nam.

Trong tác phẩm *Văn hoá và đổi mới*, đồng chí Phạm Văn Đồng viết: *"Đi sâu nghiên cứu nền văn hoá Việt Nam chúng ta thấy nổi bật lên hai điểm: một là, tính cộng đồng bao gồm ba cái trục: gia đình (nhà), làng và nước; hai là, xu thế nhân văn hướng về con người và cộng đồng con người, tìm thấy ở con người những tiềm lực của những đức tính biết bao tốt đẹp với lòng mong muốn phát triển*

nó, phát huy nó".

Sự gắn kết giữa Nhà - Làng - Nước là một cấu trúc độc đáo, đặc thù của tổ chức xã hội Việt Nam, đồng thời cũng phản ánh sắc thái văn hoá riêng có của Việt Nam. Cũng có người cho rằng mô hình Nhà - Làng - Nước truyền thống là một cản trở đối với ý thức và tinh thần dân tộc của người Việt Nam thời xưa. Tuy nhiên, ý kiến đó chỉ muốn lưu ý mặt tiêu cực của kết cấu này thôi. Về cơ bản, đây là một kết cấu xã hội có nhiều mặt tích cực cần phát huy. Bản chất của kết cấu này là sự hình thành tư tưởng cộng đồng, yêu thương, đoàn kết, đùm bọc, hoà hợp với nhau; gắn kết giữa cá nhân và tập thể, giữa cái riêng và cái chung với mối quan hệ vận mệnh *"nước mất, nhà tan"*, khi đất nước bị xâm lăng thì biết dàn xếp, gác mâu thuẫn để cùng nhau chống giặc. Thật độc đáo khi kết cấu Nhà - Làng - Nước lại được thể hiện qua ngôn ngữ ghép nhưng rất nhuần nhuyễn: *"Làng nước"*, *"Nước nhà"*. Tình thương yêu đùm bọc, san sẻ thấm đượm tình người, tình đất nước được thể hiện qua hình tượng cụ thể nhưng ý nghĩa thật sâu sắc và lớn lao biết bao: *"Nhường áo sẽ cơm"*, *"lá lành đùm lá rách"*, *"Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ"*, *"Thương người như thể thương thân"*...

Lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình là nền tảng của giá trị văn hoá Việt Nam, là bản lĩnh văn hoá Việt Nam. Đặc điểm này được biểu hiện trên nhiều khía cạnh khác nhau như quan niệm về vai trò của con người, lấy dân làm gốc; sống lương thiện và phục thiện (*"ở hiền gặp lành"*), nhận thức về trách nhiệm đối với nhau và giữa các thế hệ (*"con dại cái mang"*, *"phúc đức tại mẫu"*, *"trẻ cậy cha, già cậy con"*), sự tinh tế trong ứng xử và

cách đối nhân xử thế kể cả đối với kẻ thù. Sử sách đã ghi lại nhiều việc làm thể hiện lòng nhân đạo cao thượng của quân và dân ta, như trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh, quân ta không chỉ tha cho kẻ thù bại trận mà còn cấp hàng trăm thuyền, hàng nghìn cỗ ngựa để quân Minh về nước.

Nét nổi bật của truyền thống nhân đạo Việt Nam là sự chăm lo đến thế hệ trẻ, coi trọng việc đào tạo và học hành. Triều Lý đã có công lớn đầu tiên trong việc định hình nền giáo dục khoa cử ở nước ta. Việc nhà Lý lập Văn Miếu - Quốc Tử Giám (trường đại học đầu tiên của Việt Nam) từ rất sớm (thế kỷ XI), việc các thời đại chăm lo đến việc học hành và thi cử để đào tạo và lựa chọn những nhân tài và những thành tựu to lớn của nền giáo dục nước ta hiện nay là một truyền thống đẹp rất đáng tự hào của dân tộc Việt Nam, thể hiện quan điểm đúng đắn về đào tạo nguồn lực con người: “*Hiển tài là nguyên khí quốc gia*” (Thân Nhân Trung - thời Lê) và “*vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người*” (Chủ tịch Hồ Chí Minh). Con người được nhận

chân giá trị trở thành vị trí trung tâm, đôi khi vượt ra khỏi quan niệm thông thường: “*Con hơn cha là nhà có phúc*”, “*Người sống, đống vàng*”, “*Người làm nên của, của không làm nên người*”.

Nhân và nghĩa ở Việt Nam gắn với nhau. Trong *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi mở đầu bằng câu: “*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*”; tư tưởng: “*khoan thư sức dân*” của Trần Quốc Tuấn: “*Khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách để giữ nước*”; coi trọng “*ý dân*”, trong *Chiếu dời đô*, Lý Công Uẩn viết: “*Trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân...*”, tất cả đều toát lên quan điểm nhân, nghĩa, của ông cha ta. Tư tưởng “*cách mạng là sự nghiệp của quần chúng*”, “*lấy dân làm gốc*” ngày nay mà Đảng ta nêu lên như là sự tiếp nối truyền thống tốt đẹp của các thế hệ người Việt Nam. Sự bình dị, chân tình, cởi mở, vị tha trong quan hệ giữa con người với con người là nét nổi bật trong đời sống của nhân dân chúng ta. Sử sách xưa còn ghi lại việc các nhà vua Lý, nhà Trần tự đi cày tịch điền và thường coi sóc việc gặt lúa để khích lệ dân tăng gia sản xuất.



Bình minh trên nông trang
tranh sơn mài của Nguyễn Đức Nùng

Sống nhân nghĩa, thủy chung, “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*ăn quả nhớ kẻ trồng cây*” là đạo lý của người Việt Nam, là bản sắc văn hoá trở thành bản lĩnh của dân tộc Việt Nam. Hàng ngàn di tích lịch sử, đền, đình... thờ cúng người có công với dân với nước; những anh hùng dân tộc; những nhà lưu niệm các chiến sĩ cách mạng; những nghĩa trang tôn vinh các anh hùng liệt sĩ; những ngôi nhà tình nghĩa... là những biểu hiện vật chất của lòng nhân nghĩa Việt Nam, nhưng giá trị tinh thần của nó còn lớn hơn nhiều.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá kiệt xuất - là hiện thân của chủ nghĩa yêu nước, lòng nhân ái, khoan dung và ý chí hoà bình Việt Nam. Người là biểu tượng mẫu mực sự kết hợp hài hoà giữa tình cảm và ý chí, giữa cá nhân, dân tộc và nhân loại. Nhân cách của Người là nhân cách Việt Nam tiêu biểu.

Tính nguyên tắc và khả năng thích ứng là hai phạm trù tương như đối lập nhau, nhưng với người Việt Nam, chúng lại thống nhất với nhau tạo nên thế mạnh trong lịch sử và phát triển của đất nước. Bản sắc dân tộc của văn hoá được thể hiện ở nhiều hình thức, trong đó có ngôn ngữ. Tính nguyên tắc phải giữ là sự bảo tồn và phát triển tiếng Việt, còn sự thích ứng là giải pháp để đạt mục đích đó. Trước sức cạnh tranh có tính áp đặt của chữ Hán thời phong kiến và tiếng Pháp thời thực dân, nhân dân ta không bài xích mà biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của những ngôn ngữ đó để làm phong phú tiếng Việt. Người Việt đã Việt hoá ngôn ngữ Hán thành từ ngữ Hán - Việt. Rồi từ chữ Hán đã sáng tạo ra chữ Nôm - một thành tựu văn hoá lớn của thời Lý - Trần. Chữ quốc

ngữ ra đời gắn liền với công sức tập thể của nhiều linh mục dòng Tên, người Châu Âu trong đó có Alexander de Rhodes ở thế kỷ XVII. tuy nhiên, sự tiếp thu và sáng tạo của người Việt Nam là cơ sở cho phát triển của ngôn ngữ này. Đạo Phật vào Việt Nam từ thế kỷ II sau Công nguyên và người Việt tiếp nhận nó phù hợp với tín ngưỡng dân gian của mình. Nói cách khác, tính chất cơ bản của Phật giáo Việt Nam là tính dân gian. Việc thờ Bà Mây, Bà Mưa, Bà Sấm, Bà Chớp là sự kết hợp giữa Phật giáo Đại thừa với tín ngưỡng thờ Tứ pháp và truyền thống thờ Mẫu. Nhiều tín điều của Phật giáo được Việt hoá một cách sinh động thành những câu chuyện phù hợp với tâm tư tình cảm của dân tộc mình. Trong khi tiếp thu những yếu tố tương đồng với truyền thống của mình như đề cao lòng hiếu thảo với cha mẹ, lòng nhân ái... lại không chấp nhận tư tưởng trọng nam khinh nữ, coi khinh người lao động...

Bản sắc dân tộc của văn hoá Việt Nam còn đậm nét trong các hình thức biểu hiện độc đáo ở cách ứng xử, phong cách sinh hoạt, ăn uống, trong nghệ thuật kiến trúc, hội hoạ, âm nhạc, ca dao, dân ca, lễ hội, ma chay, cưới xin, giỗ tết v.v... Vốn tài sản này, về quy mô không phải là hoành tráng, kỳ vĩ, nhưng tất cả đều chứa đựng nội dung trí tuệ sâu sắc, tinh thần tự cường, tự khẳng định mình với bản lĩnh và bản sắc riêng của mình. Nụ cười chân tình và cởi mở của người Việt Nam đôi khi thay cho lời chào hay câu xin lỗi; một ấm chè xanh người đầu làng cuối xóm đều có thể đến uống; một cháu thi đỗ là cả nhà và hàng xóm vui mừng; một người bị đau thì bao người đến thăm hỏi; chiếc bánh chưng xanh, vại dưa hành và các món ăn cùng với cách chế biến khác nhau; nghệ thuật múa rối nước và các làn điệu dân ca; ngôi

chùa, mái đình làng quê nào cũng có v.v... Tất cả đều chứa đựng một tâm hồn Việt Nam, đều in dấu sắc thái văn hoá Việt Nam. Những nét đẹp lung linh sắc màu văn hoá đó là chất men nuôi dưỡng tình quê hương đất nước, là chất keo gắn kết người Việt Nam lại với nhau. Điều này lý giải tại sao dù ở đâu, xa hay gần, dù ở trong nước hay xa Tổ quốc, người Việt Nam đều hướng về quê cha, đất tổ, đều muốn làm điều gì có ích cho quê hương.

Bản sắc dân tộc của văn hoá không phải là điều bất biến, mà nó liên tục được bổ sung và phát triển. Chính vì thế, trách nhiệm của mỗi người Việt Nam là giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc trong nền văn hoá nước nhà. Về vấn đề này Đảng ta luôn đề ra những chủ trương đúng đắn và nhất quán. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng chỉ rõ cần phải *"Xây dựng một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*. Ngày 19-1-1993, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 25/TTg *Về một số chính sách nhằm xây dựng và đổi mới sự nghiệp văn hoá nghệ thuật*, trong đó xác định việc phát triển văn hoá nghệ thuật mang bản sắc dân tộc Việt Nam là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn dân. Nhà nước tạo điều kiện, xây dựng cơ sở hạ tầng và trang bị phương tiện cho việc phát triển văn hoá nghệ thuật mang bản sắc dân tộc. Quyết định cũng chỉ ra những chính sách cụ thể như đầu tư cho việc sưu tầm, chỉnh lý, biên soạn, bảo quản lâu dài, phổ biến văn học dân gian, các điệu múa, các làn điệu âm nhạc của các dân tộc, giữ gìn các nghề thủ công truyền thống, các loại nhạc dân tộc; xây dựng các tiết mục dân tộc như tuồng, chèo, dân ca, cải lương, múa rối... đồng thời khen thưởng những người có công trong việc sưu tầm và bảo tồn các giá trị

văn hoá dân tộc. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) đã chỉ rõ: *"Phương hướng chung của sự nghiệp văn hoá nước ta là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại..."* và *"giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ..."*.

Quá trình vận hành của nền văn hoá nói chung và nhận thức về bản sắc dân tộc trong văn hoá nói riêng đặt ra nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn cần giải quyết, trong đó có mối quan hệ giữa hai cặp phạm trù: *"Giữ gìn và phát huy"* với *"Kế thừa và phát triển"* di sản văn hoá của dân tộc. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, các thế hệ người Việt Nam đã sáng tạo, đồng thời cũng đã bằng nhiều công sức và tâm huyết bảo vệ và giữ gìn những giá trị tài sản văn hoá của các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Chính những vốn liếng về văn hoá đó với bản sắc riêng của mình là tài sản vô cùng quý báu để xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tài sản văn hoá là một thứ của quý, nhưng nếu coi nó như là sự hoài cổ thì những giá trị văn hoá đâu còn có sức mạnh bao nhiêu trong đời sống đương đại và nếu truyền thống không được tiếp thêm sức sống mới, thêm hơi thở của thời đại thì ý nghĩa của truyền thống không còn, tạo nên sự đứt mạch của truyền thống. Và như vậy, nếu như đất nước có phát triển lên được thì chắc gì *Ta đã là Ta*. Vì thế, việc phát huy tác dụng của những giá trị văn hoá trong tình hình hiện nay là rất quan trọng, nhằm

huy động sức mạnh của giá trị văn hoá truyền thống vào công cuộc xây dựng xã hội mới. Văn hoá là một dòng chảy của sáng tạo không ngừng. Bản sắc dân tộc trong văn hoá cũng không đứng yên mãi mãi, và không phải mọi tài sản văn hoá đều có giá trị như nhau và đều “cập nhật” với yêu cầu của đời sống hiện tại. Chính vì thế phải kế thừa có chọn lọc di sản văn hoá, truyền thống dân tộc để bảo vệ và phát huy nó trong điều kiện mới. Đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, nghĩa là làm cho bản sắc dân tộc trong văn hoá mang rõ tính thời đại. Cái khó không phải là ở nhận thức về mối quan hệ giữa “giữ gìn và phát huy” với “kế thừa và phát triển”. Cái khó là ở chỗ phát huy như thế nào, kế thừa cái gì và phát triển theo hướng nào, cách nào?

Để giữ gìn - phát huy và kế thừa - phát triển giá trị văn hoá truyền thống thì nhiệm vụ quan trọng đầu tiên là công tác giáo dục. Như Bác Hồ đã dạy: *Tinh thần yêu nước cũng như các của quý có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi được cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của ta là làm sao cho những cái của quý ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức lãnh đạo cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.* Tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng, lòng nhân ái trọng nghĩa tình; đức tính cần cù sáng tạo, giản dị, tinh tế trong ứng xử v.v... có được ở mỗi con người không thể tách

rời môi trường giáo dục và xã hội, mà trước hết là giáo dục từ gia đình. Những lời ru của mẹ:

Nhiều điều phải lấy giá gương,

*Người trong một nước thì thương nhau
cùng*

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Và những hành động, việc làm mẫu mực của người cha chắc chắn đã là bài học đầu tiên về nhân cách cho trẻ thơ. Sau giáo dục gia đình là giáo dục nhà trường. Đây là môi trường rất quan trọng định hình tư chất, nhân cách của các em. Việc giáo dục một cách toàn diện và có chất lượng những kiến thức về sử học, về truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, về văn hoá học, về mỹ học v.v... góp phần hình thành tài - đức cho lớp trẻ. Các phương tiện thông tin đại chúng cũng là công cụ quan trọng trong việc giáo dục cộng đồng trên lĩnh vực này. Chúng ta đã và đang phải trả giá cho việc coi nhẹ hoặc chưa quan tâm đúng mức đến việc giáo dục trong nhà trường những hiểu biết về lịch sử, văn hoá, nhân cách..., trong đó có vấn đề bản sắc dân tộc trong văn hoá. Giữ gìn bản sắc dân tộc của văn hoá trước hết là giữ gìn tâm hồn Việt Nam, phải làm cho bản sắc dân tộc của văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực hoạt động, phải gắn liền với việc xây dựng đời sống văn hoá - tinh thần phong phú trong nhân dân, phải làm cho bản sắc dân tộc của văn hoá thấm đượm trong mọi tâm hồn sáng tạo. Đồng thời trong xu thế toàn cầu hoá như hiện nay, cần phải giải quyết một cách

nhảy bển theo truyền thống Việt Nam mối quan hệ giữa giữ gìn bản sắc dân tộc của văn hoá với tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Bên cạnh công tác giáo dục và tăng cường về nhận thức, việc xây dựng, ban hành luật pháp và các chính sách nhằm bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc trong quá trình xây dựng nền văn hoá mới là rất cần thiết. Cần xây dựng quy chế về khen thưởng đối với những người có công trong lĩnh vực hoạt động này. Cần quan tâm và đầu tư đúng mức cho công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, đặc biệt là tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hoá, các ngành nghề truyền thống, giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân gian, vì những tài sản văn hoá này chứa đựng đầy đủ nhất tinh hoa, bản sắc dân tộc của nền văn hoá Việt Nam, có khả năng thấm sâu vào mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc, mang tính cộng đồng và dân chủ hoá cao, tổng hòa cả ba hoạt động: sáng tạo, tiếp nhận và lưu truyền bản sắc dân tộc của văn hoá. Khuyến khích việc truyền dạy và khôi phục các ngành

nghề truyền thống. Hướng dẫn nhân dân các dân tộc khôi phục có chọn lọc các sinh hoạt văn hoá cổ truyền mang bản sắc riêng của mình nhằm góp phần thúc đẩy việc tiếp nối và phát triển văn hoá dân tộc.

Người ta thường nói mất bản sắc dân tộc trong văn hoá là mất tất cả. Trong tiến trình lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc, ông cha ta đã kiên cường, thông minh bảo vệ và chuyển giao cho chúng ta những di sản vô giá của nền văn hoá Việt Nam thống nhất mà đa dạng với bản sắc độc đáo trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Ngày nay, với bản lĩnh của mình, các thế hệ người Việt Nam nhất định sẽ bảo vệ, kế thừa và phát triển lên một tầm cao, một chất lượng mới những giá trị văn hoá mà ông cha để lại, tạo nên nền tảng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước./.

L.T.T



LỊCH SỬ VÀ BẢO TÀNG MỐI QUAN HỆ

TRẦN QUỐC VƯỢNG *

Lịch sử là gì? Thời đã qua là thuộc về Lịch sử. Và Sử học là môn học về thời đã qua.

Thế nào là “đã qua”? Đã qua là... đã qua, dù chỉ là một phút giây, một tháng ngày, một năm, một thế kỷ... đã trôi qua mà không còn là *Hiện tại*.

Nhà sử học thường dùng chữ *Đã*, nhà Xã hội học dùng chữ *Đang* và nhà Tương lai học (Khoa học dự báo) dùng chữ *Sẽ*. Chữ nhà Phật gọi là *Vô thường*. Quan niệm Mác-xít cho rằng không có sự vật, sự kiện (tĩnh tại) mà tất cả là các *quá trình*. Đây là phép Biện chứng.

Bảo tồn Bảo tàng là gì? Là sự gìn giữ cái đã qua, dù hữu thể (vật thể) hay vô thể (phi vật thể). Cố gắng giữ gìn cái *nguyên gốc*, *nguyên trạng*, cái nó vốn có, *vốn là nó*.

Văn nghệ có quyền cải biên, cải tiến, cũng có lúc cải lùi (không tốt).

Bảo tồn Bảo tàng thì không! Nó gắn gũi với sự Bảo thủ - theo nghĩa đẹp của từ này.

Cái “đã qua”, đã không “xài” nữa trong đời sống thường nhật thì giữ lại làm gì?

Để làm *Kỷ niệm*, để Tưởng nhớ, Tưởng niệm. Để đấu tranh *chống Lãng quên*. Sử học cũng là môn học kỷ niệm, cho đời sau chớ lãng quên công lao tiền nhân thuở trước.

Đó là một căn tính của Loài người, của Cốt *tính* NGƯỜI. Con người là sinh vật có tư duy có Ý THỨC.

“Tôi tư cảm, vậy thì tôi hiện hữu” (Je pense, donc (que) je suis - Descartes)

Các giống loài đều có lịch sử hình thành mà từ thế kỷ XIX, Charles Darwin đã viết Tiến hoá luận (*Origine des espèces*, Nguồn gốc các loài). Nhưng với chúng, lịch sử của chúng là vô thức. Loài người viết, nghiên cứu về lịch sử của chúng là vì chúng, cho chúng và vì ta, cho ta. Ta làm sử, loài vật, loài người, cả lịch sử Đất đá, cỏ cây nữa. Ta cũng có Bảo tàng tự nhiên (Bảo tàng địa chất, Bảo tàng cây cối, Bảo tàng Động vật...), Bảo tàng Con người (và các công cụ, dụng cụ, máy móc do con người *làm* ra, sáng tạo ra để tác động qua lại với thiên nhiên). Đó là những việc làm có Ý THỨC, có sự lựa chọn (các mô hình hành động, viết lách, trưng bày Bảo tàng ngoài trời, tại chỗ, hay trong nhà, trong tủ

* Gs. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

kính...), và, lẽ tự nhiên mình phải *chịu trách nhiệm* về sự lựa chọn những mô hình hành xử đó.

*

* *

Trong các triết lý cổ kim, thì theo tôi, *Triết lý Ấn Độ* là thâm thúy hơn cả. Từ khoảng 1500 năm trước Công nguyên, người Aryens từ vùng Nam Lý hải (biển Caspienne) di trú vào bán lục địa Ấn Độ, trở thành tổ tiên người Ấn ngày nay. Người Hindu có bộ Kinh Vệ Đà (Veda), nền tảng lý thuyết của Hindu giáo. Giáo lý Hindu tôn vinh “tam vị nhất thể” (Trinity) là các Đấng Brahma (tối thượng thần - phụ trách SÁNG TẠO); đấng Siva, mà tượng trưng là cột linga (Linh - Dương vật) phụ trách PHÁ HUỖY; đấng Vishnu, phụ trách BẢO TỒN.

Phá huỷ cái cũ đã lỗi thời;

Bảo tồn cái tinh hoa truyền thống;

Sáng tạo cái MỚI, để rồi với thời gian cái mới lại trở thành Truyền thống. Truyền thống -> Cách tân -> Truyền thống. Hay nói theo Tăng tử trong sách Đại học:

Nhật Tân - Nhật tân - Hựu nhật tân

(Mỗi ngày mỗi mới, mỗi ngày mỗi mới, lại mỗi ngày mỗi mới).

Cái mới luôn luôn có quan hệ biện chứng với cái Cũ. Nhưng cái Mới là cái *Đích* mà mỗi chúng ta đều nhắm tới.

Có người hỏi tôi: Ông làm Sử, dạy Sử để làm gì? Điều này động đến *tính mục đích* của Sử học cũng như Bảo tàng học. Tôi và nhiều nhà sử học khác đã nhiều lần dẫn giải mục đích của Sử học theo quan điểm mác-xít.

Thế kỷ XIX - thế kỷ của K.Mác và F.Engelen - Lịch sử đã được tôn lên ngôi vị tối cao. Đến nỗi, trong các tác phẩm *Phê phán triết lý pháp quyền của Hegel* và *Hệ tư tưởng Đức*, hai ông đã hạ bút mà rằng:

“Chỉ có một khoa học duy nhất: Đó là khoa học lịch sử”.

Chính thế kỷ XIX cũng là *thế kỷ nở rộ* của các Bảo tàng Châu Âu, còn để lại danh tiếng và sự hiện tồn đến ngày nay.

Trở về với Đông phương, ngôn từ cổ điển hàm súc Trung Hoa viết:

“Ôn cố nhi tri tân”

(Ôn cũ để mà biết mới).

Những trí thức ngày xưa, thường được coi là các vị “thông kim bác cổ” (thấu hiểu cái mới, biết rộng cái xưa).

Đã rất nhiều lần, tôi coi Bảo tàng viện là một Đại học. Và không một sinh viên nào của Khoa Sử Đại học Hà Nội chúng tôi cần ít nhất một lần ra học ở Bảo tàng Quân đội (nay được đổi tên thành Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam).

Đi nước ngoài họp hành, dự hội thảo, thường bao giờ cũng có mấy ngày tiền - hậu hội nghị, hội thảo. Bạn nước ngoài quan tâm hỏi tôi những ngày ấy

tôi muốn đi đâu để họ tổ chức đón đưa. Gần như bao giờ tôi cũng trả lời: Trước hết, đi bảo tàng, sau đó đi tham quan vài di tích - thắng cảnh tiêu biểu, cuối cùng là shopping (đi mua bán). Do vậy, tri thức sử học của tôi được "làm giàu" lên nhờ tham quan Cố cung bác vật quán (Bắc Kinh), Bảo tàng Louvre (Pháp), Bảo tàng Con người (Pháp), Bảo tàng Lịch sử Ý, Đức, Nhật, kể cả Bảo tàng Trà đạo (Tokyo) Bảo tàng Mỹ thuật bản địa Úc, Mỹ. Ở Mỹ tôi còn đi cả Bảo tàng (Smithsonian) của các Tổng thống Mỹ.

Với tôi, Lịch sử và Bảo tàng là một sự gắn bó hữu cơ...

T.Q.V



Chùa một cột - Hà Nội
Ảnh: Tư liệu Cục BTBT

DI SẢN VĂN HOÁ THĂNG LONG HÀ NỘI

TRONG BỐI CẢNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐÔ THỊ HOÁ, TOÀN CẦU HOÁ

VŨ KHIÊU *

1- Thăng Long - Hà Nội đang sống trong bước ngoặt lịch sử giữa ngàn năm cũ đang qua và ngàn năm mới đang tới.

Ngàn năm đã qua còn ghi lại biết bao nhiêu công sức của ông cha. Bao mồ hôi, xương máu đã đổ xuống nơi đây để có những di sản vô giá mà hôm nay chúng ta thừa hưởng.

Một ngàn năm đang tới với những hình ảnh rực rỡ nhất về đất nước và con người của ngày mai nhưng cũng đồng thời nêu lên những gian nan thử

* Gs. Anh hùng Lao động

tôi muốn đi đâu để họ tổ chức đón đưa. Gần như bao giờ tôi cũng trả lời: Trước hết, đi bảo tàng, sau đó đi tham quan vài di tích - thắng cảnh tiêu biểu, cuối cùng là shopping (đi mua bán). Do vậy, tri thức sử học của tôi được "làm giàu" lên nhờ tham quan Cố cung bác vật quán (Bắc Kinh), Bảo tàng Louvre (Pháp), Bảo tàng Con người (Pháp), Bảo tàng Lịch sử Ý, Đức, Nhật, kể cả Bảo tàng Trà đạo (Tokyo) Bảo tàng Mỹ thuật bản địa Úc, Mỹ. Ở Mỹ tôi còn đi cả Bảo tàng (Smithsonian) của các Tổng thống Mỹ.

Với tôi, Lịch sử và Bảo tàng là một sự gắn bó hữu cơ...

T.Q.V



Chùa một cột - Hà Nội
Ảnh: Tư liệu Cục BTBT

DI SẢN VĂN HOÁ THĂNG LONG HÀ NỘI

TRONG BỐI CẢNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐÔ THỊ HOÁ, TOÀN CẦU HOÁ

VŨ KHIÊU *

1- Thăng Long - Hà Nội đang sống trong bước ngoặt lịch sử giữa ngàn năm cũ đang qua và ngàn năm mới đang tới.

Ngàn năm đã qua còn ghi lại biết bao nhiêu công sức của ông cha. Bao mồ hôi, xương máu đã đổ xuống nơi đây để có những di sản vô giá mà hôm nay chúng ta thừa hưởng.

Một ngàn năm đang tới với những hình ảnh rực rỡ nhất về đất nước và con người của ngày mai nhưng cũng đồng thời nêu lên những gian nan thử

* Gs. Anh hùng Lao động

thách mà chúng ta hôm nay và con cháu sau này sẽ phải khắc phục.

Bước ngoặt lịch sử giữa hai thiên niên kỷ của toàn thể nhân loại cũng là bước ngoặt lịch sử của nhân dân ta trong những năm đổi mới này. Cuộc sống mới không chỉ diễn ra trên lĩnh vực kinh tế mà còn trên toàn bộ đời sống dân tộc.

Bước ngoặt lịch sử đang đặt trước dân tộc ta bốn cửa ải cần vượt qua để tiến về phía trước: công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá, toàn cầu hoá... Đó cũng là những thử thách lớn đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể nhân dân ta. Với truyền thống dũng cảm và sáng suốt, nhân dân ta sẽ khai thác mọi tiềm năng của dân tộc, mọi thành tựu của thời đại và còn quan trọng hơn nữa là phát huy một sức mạnh vô giá mà ông cha để lại trong di sản văn hoá trên đất nước ta và trên mảnh đất linh thiêng này của Thăng Long - Hà Nội.

Di sản văn hoá - vốn quý này của dân tộc còn chứa đựng những tiềm năng to lớn về sức mạnh của tâm hồn và khí phách trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Sức mạnh này có thể được phát huy đến chừng nào? Điều này còn phụ thuộc vào cách ứng xử văn minh của dân tộc ta trong việc kế thừa và gìn giữ, gạt đi những cặn bã, đồng thời bổ sung thêm những giá trị mà đất nước đang yêu cầu.

2- Công nghiệp hoá và hiện đại hoá là một quá trình mang ý nghĩa cách mạng, bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp sang công nghiệp từ đời sống cổ

truyền sang đời sống hiện đại. Sự chuyển biến này không chỉ diễn ra trong hoạt động kinh tế mà còn trên mọi lĩnh vực của đời sống.

Xã hội nông nghiệp kéo dài hàng ngàn năm lịch sử trong một phương thức sản xuất có một cấu trúc chặt chẽ, mang tính chất Á Châu. Sản xuất nông nghiệp trong khuôn khổ này vừa đem đến sự ổn định cho xã hội, vừa là nguyên nhân của sự trì trệ của nó.

Công nghiệp hoá và hiện đại hoá với những thành tựu của khoa học kỹ thuật sẽ xoá bỏ dần nền sản xuất lạc hậu với những hậu quả xã hội của nó, sẽ giảm bớt sự nhọc nhằn của lao động cơ bắp để thực hiện trên nước ta một nền sản xuất tiên tiến, có năng suất cao tạo điều kiện cho sự phát triển về mọi mặt. Nó sẽ xoá đi những di sản lạc hậu trong *sản xuất, phân phối và sinh hoạt* từ thời cổ xưa, đem lại dần một lối sống tiên tiến, nhân văn, hiện đại.

Nhân loại đã từng chứng kiến những thành tựu và cả những sai lầm trong công nghiệp hoá và hiện đại hoá từ mấy năm nay trong các xã hội phương Tây. Trên lĩnh vực kế thừa những di sản văn hoá của dân tộc, chúng ta chống chủ nghĩa bảo thủ, khư giữ lấy mọi di sản văn hoá, trong đó có rất nhiều thứ đã lỗi thời. Chúng ta cũng không sa vào chủ nghĩa hư vô, xoá sạch mọi tàn dư của quá khứ.

Công nghiệp hoá và hiện đại hoá là một thử thách lớn đối với dân tộc ta. Nó có sứ mệnh chuyển đổi đất nước ta từ *truyền thống sang hiện đại*. Nói một

cách khác, công nghiệp hoá về thực chất là hiện đại hoá. Tuy nhiên, nó không thể vì hiện đại hoá mà xoá bỏ truyền thống.

3- Trên đất nước ta ngày nay, tiến hành công nghiệp hoá và hiện đại hoá là một quá trình giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa nhân tố truyền thống và nhân tố hiện đại. *Hiện đại hoá* chỉ có thể thực hiện trên cơ sở gắn liền với truyền thống và phát triển trên cơ sở của truyền thống. Không thể có cái hiện đại nào có thể tách rời thực tế của dân tộc và cắt đứt với truyền thống mà tồn tại được. Ngược lại, truyền thống chỉ tồn tại và phát triển khi nó phục vụ cho hiện đại hoá và bản thân nó cũng *phải mang tính hiện đại*. Nói cách khác truyền thống phải trở thành hiện đại.

Thăng Long - Hà Nội trải qua một nghìn năm tồn tại và phát triển đã để lại cho dân tộc ta và thủ đô ta những di sản văn hoá vô cùng quý giá. Ở đây có vấn đề bảo tồn di sản văn hoá và khai thác di sản ấy. Đã có một thời kỳ mà nhân dân ta chưa thấy hết ý nghĩa quan trọng của những di sản văn hoá này. Có rất nhiều đền, miếu, nhà thờ, công trình kiến trúc bị coi thường, phó mặc cho sự huỷ diệt của thời gian cũng như sự phá phách của những lớp người thiếu văn hoá.

Đảng ta đã kịp thời chấn chỉnh những hiện tượng này. Tại thủ đô, trong vòng mấy thập kỷ gần đây, Đảng bộ và chính quyền thành phố đã luôn luôn quan tâm hướng dẫn các cấp

quận, phường trách nhiệm giữ gìn và tôn tạo những di sản ấy, cả di sản vật thể và phi vật thể. Nhiều phong tục tập quán tốt đẹp đã bị coi thường hoặc xoá bỏ, nay được khôi phục lại.

Khôi phục, giữ gìn và bảo quản những di sản văn hoá là một nhiệm vụ cần thiết nhưng khai thác những di sản đó lại là một vấn đề khác. Nhân dân ta coi những di sản ấy là những của quý vô giá mà ông cha để lại. Có thể tìm trong đó trí tuệ và tài năng, tâm hồn và khí phách của ông cha từ những đền đài lăng miếu, những công cụ sản xuất, sản phẩm lao động, những tác phẩm khoa học văn học nghệ thuật. Có thể tìm ở đó cả cuộc sống của ông cha qua trường kỳ lịch sử, có thể lắng nghe ở đây tiếng nói của ông cha, những bài học ứng xử, trong mọi hoàn cảnh đầy gian nan thử thách. Chúng ta có thể khai thác từ trong đó một sức mạnh tinh thần vô tận trong sự nghiệp hôm nay.

4- Công nghiệp hoá và hiện đại hoá gắn liền với đô thị hoá. Đô thị hoá là một sự chuyển biến từ cuộc sống nông thôn sang cuộc sống đô thị. Trong xã hội nông nghiệp từ thời xưa, lối sống nông thôn và lối sống đô thị không khác nhau là bao nhiêu. Từ ngày thực dân xâm chiếm nước ta, thủ đô Thăng Long - Hà Nội cũng như nhiều thành phố lớn như Sài Gòn, Hải Phòng, Đà Nẵng đã bước đầu biến đổi thích hợp với nhu cầu phát triển về công nghiệp và thương nghiệp của chủ nghĩa thực dân. Nhà cửa, phương tiện đi lại

được xây dựng đã khiến cho cuộc sống ngày một khác biệt giữa nông thôn và thành thị. Đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, kinh tế thị trường được phát triển lại càng nhanh chóng thay đổi bộ mặt của thành phố. Trong thập kỷ qua, bao nhiêu ngôi nhà nhiều tầng được xây dựng đầy rẫy trong nội thành và ngoại thành. Bao nhiêu người đã từ nông thôn ra làm ăn ở thành phố, tiếp thu lối sống của thành phố. Ngược lại sinh hoạt của thành phố cũng dần dần lan toả ra nông thôn. Đô thị hoá đang diễn ra nhanh chóng ở cả thành phố và ở cả nông thôn.

Ảnh hưởng qua lại giữa nông thôn và thành thị đã góp phần xoá bỏ nhiều phong tục tập quán đã lỗi thời của nông thôn, nhưng lại làm nảy sinh và phát triển những nhược điểm của văn hoá đô thị. Người nông dân vào thành phố tiếp thu những cung cách sinh hoạt của thành phố trong nhà ở, trong quần áo, trong ăn uống. Lối sống ở nông thôn với truyền thống gắn bó giữa người và người, trong nhà trong họ, trong thôn xóm và làng xã đã từng có xu hướng mất dần đi trong hoàn cảnh sinh hoạt ở thành phố, là nơi thiếu sự gắn bó chặt chẽ giữa người với người. Trước sự tẻ nhạt dần trong quan hệ giữa người và người ở thành phố, mọi người cảm thấy nhu cầu củng cố lại những quan hệ cần thiết giữa người và người, những tập quán tốt đẹp trong phạm vi gia đình, trong sinh hoạt xã hội như ngày giỗ, ngày tết.

Sự quan tâm tới tổ tiên, ông bà,

nhu cầu gắn bó giữa những người cùng dòng họ, cùng quê hương đã làm sống lại những phong tục cưới xin, ma chay, giỗ tết, sửa sang lại nhà thờ, mồ mả, khôi phục lại lòng biết ơn đối với tổ tiên củng cố thêm sự gắn bó giữa người và người. Tuy nhiên, phục hồi những truyền thống văn hoá cũ là một điều rất cần thiết nhưng có lúc đã không tránh khỏi khôi phục những hủ tục cần được xoá bỏ. Những sai lầm này cần gấp rút phê phán trên quan điểm khoa học về việc kế thừa và phát huy di sản văn hoá.

Khôi phục, giữ gìn và phát huy di sản văn hoá càng là một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay. Toàn cầu hoá đang là một xu thế tất yếu của lịch sử. Nó đã tạo ra sự giao lưu và hoà nhập giữa các dân tộc trên mọi mặt kinh tế, chính trị và văn hoá.

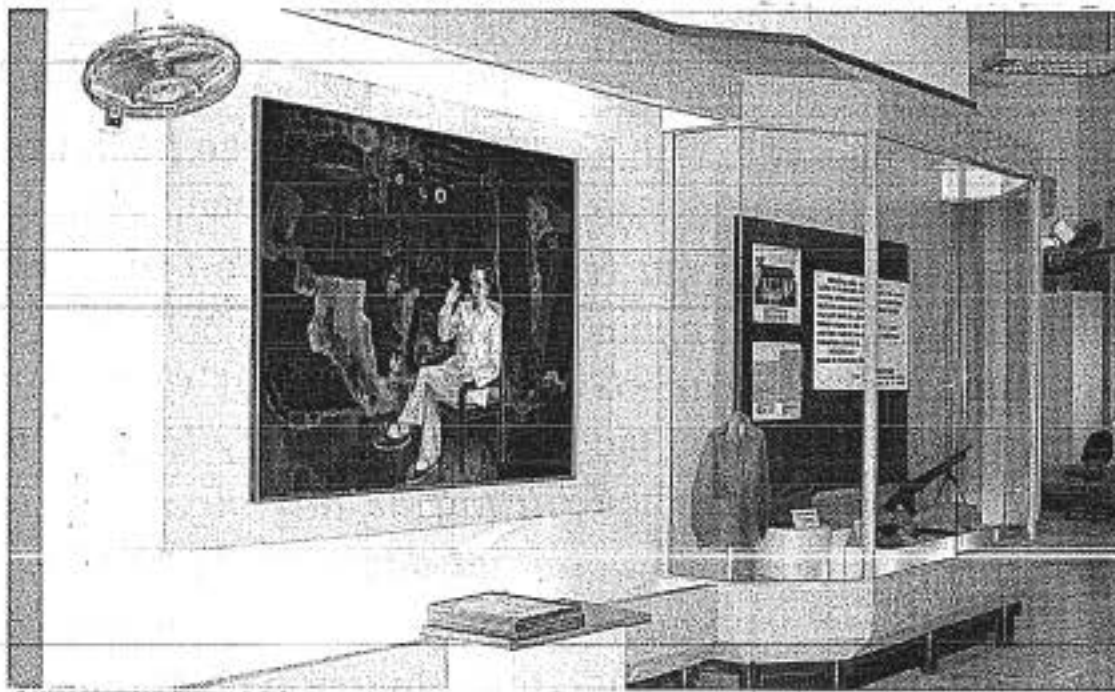
Sự hoà nhập này vừa là một thuận lợi để nhân dân ta tiếp thu được những nhân tố tích cực và tiến bộ từ những thành tựu mới của nhân loại, đồng thời cũng tạo ra nguy cơ là bỏ mất những điều tốt đẹp trong di sản văn hoá dân tộc và tiếp thu những nhân tố độc hại phá vỡ bản sắc dân tộc của chúng ta.

Chính vì những lẽ trên mà thái độ *khoa học, tiên tiến và sáng suốt* đối với di sản văn hoá dân tộc đang là một yêu cầu cấp thiết của toàn thể nhân dân ta ở cả nước và ở Thăng Long - Hà Nội./.

V.K

CÁC BẢO TÀNG VỚI VIỆC THỰC HIỆN LUẬT DI SẢN VĂN HOÁ

PHẠM MAI HÙNG *



Một góc trưng bày tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam
Ảnh: Hải Ninh

Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 9 (từ ngày 22 tháng 5 đến ngày 29 tháng 6 năm 2001) đã thông qua toàn văn Luật Di sản văn hoá và Bộ luật này đã được Chủ tịch nước công bố ngày 12 tháng 7 năm 2001¹. Như vậy nguyện vọng của các cơ quan nghiên cứu, quảng bá di sản văn hoá dân tộc nói chung, của các cán bộ bảo tồn bảo tàng nói riêng về sự cần thiết phải có một văn bản luật làm chỗ dựa pháp lý cho các hoạt động của mình đã được đáp ứng. Có thể nói đây là bộ luật đầu tiên của nước ta (kể từ ngày lập nước tới nay) khẳng định: “Di sản văn hoá Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt

Nam và là một bộ phận của di sản văn hoá nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta”². Cũng tương tự như thế khái niệm di sản văn hoá bao gồm hai thành tố: “Di sản văn hoá phi vật thể và di sản văn hoá vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”³ lần đầu tiên chính thức được đưa vào văn bản luật. Với kết cấu 7 chương gồm 74 điều, Luật Di sản văn hoá đã thể hiện rất rõ ràng trách nhiệm của Nhà nước, của các cơ quan, các tổ chức xã

* Gs.Ts. Giám đốc Bảo tàng Cách mạng Việt Nam

Trong Luật Di sản văn hóa, điều 47, chúng ta thấy có điểm mới, đó là việc xác lập hệ thống các bảo tàng theo 4 cấp độ: bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành, bảo tàng cấp tỉnh, bảo tàng tư nhân. Đồng thời luật hoá thẩm quyền quyết định thành lập bảo tàng, cũng như tiêu chuẩn xếp hạng bảo tàng. Căn cứ vào các chuẩn mực đó thì hiện nay ở đất nước chúng ta mới chỉ có bảo tàng chuyên ngành, bảo tàng tỉnh - thành phố trực thuộc trung ương, còn trống vắng: các bảo tàng quốc gia, các bảo tàng tư nhân. Đặc biệt trong bộ luật này không thấy xuất hiện thuật ngữ bảo tàng lưu niệm [trong khi đó vẫn có một bảo tàng lưu niệm mà có một giai đoạn bảo tàng này vừa trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng, vừa trực thuộc Chính phủ. Về quản lý, nó ngang cấp Tổng cục trực thuộc Chính phủ - đó là Bảo tàng Hồ Chí Minh cũng không thấy có thuật ngữ bảo tàng của các tổ chức chính trị - xã hội hoặc, xã hội - chính trị [trong khi đó vẫn đang tồn tại những bảo tàng theo các tổ chức đó như: Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam v.v...]. Do đó, đã đến lúc các bảo tàng trực thuộc các cơ quan trung ương như Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Quân đội nhân dân Việt Nam, Bảo tàng Mỹ thuật, Bảo tàng Văn hoá các dân tộc, Bảo tàng Dân tộc học... phải tự xem xét lại mình, phải tích cực tham gia vào việc xây dựng các bảo tàng quốc gia, các bảo tàng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cũng phải nhanh chóng tự hoàn thiện mình. Và như vậy, các bảo tàng cũng đã

góp phần quan trọng vào việc thực hiện Luật Di sản văn hoá.

Sẽ là khiếm khuyết nếu chỉ nhấn mạnh vai trò của các bảo tàng đối với việc gìn giữ, phát huy giá trị của văn hoá vật thể mà không chú ý tới vai trò của các bảo tàng với việc bảo tồn, phát huy giá trị của văn hoá phi vật thể. Bởi mỗi hiện vật bảo tàng ngoài giá trị vật thể nó còn hàm chứa những giá trị phi vật thể. Lâu nay việc nghiên cứu, làm sáng rõ giá trị phi vật thể ẩn chứa trong các hiện vật bảo tàng chúng ta chưa thật sự coi trọng. Điều này thể hiện rõ nhất trong hồ sơ hiện vật. Rất ít hồ sơ hiện vật có kèm theo chuyện kể về nó. Do khuôn khổ có hạn cho một bài viết nên chúng tôi không thể đưa ra hàng loạt ví dụ hấp dẫn, cảm động về giá trị phi vật thể của hiện vật bảo tàng. Xin hẹn ở bài viết khác.

P. M. H



- 1 - Lệnh số 09/2001/L.CTN của Chủ tịch nước về việc công bố Luật.
- 2 - Luật Di sản văn hoá. Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội - 2001, trang 5.
- 3 - Sách đã dẫn, trang 5.
- 4 - Bảo tàng Cách mạng Việt Nam - Sổ ghi cảm tưởng.
- 5 - Sách đã dẫn
- 6 - Như trên.
- 7 - Như trên

môi trường sinh thành, lưu truyền các di sản văn hoá phi vật thể, người ta hay nói đến làng xã. Thế nhưng, ở Việt Nam, làng xã lại là đơn vị xã hội gắn bó với tộc người, bản thân làng xã của một tộc người cũng có những nét khác biệt khi nó vận động trong không gian. Với người Kinh (Việt), nhìn ở phương diện không gian, làng Việt có sự khác nhau về một số phương diện khi đặt trong cùng hệ để so sánh. Làng Việt ở Bắc bộ có những khác biệt với làng Việt ở Nam bộ và Trung bộ ở nguồn gốc hình thành, đặc điểm quần cư, cơ cấu tổ chức, quan hệ sở hữu, các loại dân cư v.v...

Nhìn ở phương diện nghề nghiệp, làng của người Việt có thể tạm chia thành hai loại làng: làng của ngư dân (làng vựa chài) và làng của những cư dân sống bằng nghề trồng lúa nước. Hai loại làng này rõ ràng là có những nét khác nhau trong cảm quan về thiên nhiên, trong ứng xử với thiên nhiên cũng như trong quan hệ xã hội, trong

cộng đồng. Nếu như làng xã của cư dân trồng lúa nước thờ thành hoàng thì ngư dân sống bằng nghề đánh bắt hải sản lại thờ cúng cá voi/cá ông, nếu như cư dân sống bằng nghề trồng lúa nước có ruộng đình để lấy kinh phí tổ chức lễ hội hàng năm thì ngư dân lại đóng góp một khoản kinh phí để tổ chức lễ hội mà ngư dân gọi là tiền chề. Người dân trồng lúa nước cầu mong mùa màng bội thu thì người dân đánh bắt hải sản cầu mong được trúng mùa cá. Làng xã của cư dân nông nghiệp sống bằng nghề trồng lúa nước có sự gắn kết chặt chẽ hơn làng xã của cư dân sống bằng nghề đánh bắt hải sản nơi biển khơi. Bởi mỗi bên khác nhau ở sự phụ thuộc lẫn nhau hay không trong quá trình sản xuất.

Nhìn ở phương diện tộc người, làng xã của tộc người thiểu số khác với làng xã của người Kinh (Việt) với tư cách là tộc người chủ thể. Nếu như trong một thời kỳ dài trước cách mạng tháng Tám năm 1945, làng xã của



Một góc trưng bày tại Bảo tàng Văn hóa Các Dân tộc Việt Nam - Thái Nguyên
Ảnh: Hải Ninh

